

Bản án số: 05/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 25/8/2017

V/v “Ly hôn”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAK PƠ, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Yến Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Đình Đức.

2. Bà Nguyễn Thị Hải Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Ngọc Mai, thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hồng Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2017 tại Tòa án nhân dân huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2017/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2017/QĐXX-ST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Thôn C, xã ĐTH, huyện DL, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Ông Võ Toàn L, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Thôn B, xã AT, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là bà Lê Thị T trình bày tại đơn khởi kiện ngày 12/6/2017, bản tự khai và tại phiên tòa như sau: Bà Lê Thị T và ông Võ Toàn L tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 15/4/2013, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐTH, huyện DL, tỉnh Lâm Đồng. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không có con nên ông L thường xuyên rệu rã và có tình nhân bên ngoài, không quan tâm gì đến vợ nữa. Bà đã nhiều lần khuyên giải nhưng ông L không nghe nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Vì vậy hai người đã sống ly thân với nhau, phần ai nấy sống từ tháng 11/2015. Hôm nay bà Lê Thị T xét thấy cuộc sống của vợ chồng thực sự không có tiếng nói chung, có níu kéo cũng không còn hạnh phúc nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà và ông Võ Toàn L được ly hôn.

Về con chung: vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Võ Toàn L trình bày tại bản tự khai ngày 30/6/2017: Ông L và bà Lê Thị T tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐTH, huyện DL, tỉnh Lâm Đồng. Trong quá trình chung sống không có mâu thuẫn gì nên ông không đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã tổng đạt hợp lệ cho ông Võ Toàn L nhưng ông L không tham gia các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa và cũng không cung cấp chứng cứ gì.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định về tố tụng dân sự. Riêng bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết vụ án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị T xin ly hôn với ông Võ Toàn L.

Về án phí: Bà Lê Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Lê Thị T có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai giải quyết ly hôn đối với bị đơn Võ Toàn L nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Trong quá trình Tòa án giải quyết, ông Võ Toàn L chỉ cung cấp một bản tự khai. Mặc dù Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng ông L không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Do đó Tòa án áp dụng các quy định tại khoản 3 Điều

173; Điều 179, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết vụ án.

2. Về quan hệ hôn nhân: Trên cơ sở lời khai của bà T và ông L, giấy chứng nhận kết hôn và các tài liệu chứng cứ khác đủ cơ sở kết luận: Bà T và ông L đăng ký kết hôn vào ngày 15/4/2013 tại Ủy ban nhân dân xã ĐTH, huyện DL, tỉnh Lâm Đồng. Việc kết hôn của bà T và ông L là hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật, không bị lừa dối, ép buộc, không vi phạm điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông L là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị T: Bà T cho rằng vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 11/2015 thì phát sinh mâu thuẫn nên ông L về Thôn B, xã AT, huyện Đ, tỉnh Gia Lai sống, còn bà vẫn sống ở DL, Lâm Đồng. Từ đó vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ và sống ly thân nhau. Còn ông L cho rằng trong quá trình chung sống không có mâu thuẫn gì nên ông không đồng ý ly hôn với bà T. Trên cơ sở trình bày của các đương sự xét thấy nội dung đơn xác nhận tình trạng hôn nhân của bà Lê Thị T được Ủy ban nhân dân xã ĐTH, huyện DL, tỉnh Lâm Đồng xác nhận ngày 13/7/2017 là phù hợp với lời khai của bà T. Mặc dù ông L cho rằng không có mâu thuẫn gì nhưng thực tế vợ chồng đã không chung sống với nhau từ tháng 11/2015; trong quá trình Tòa án giải quyết ông L cũng không thể hiện thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy đã có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông L thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T, xử cho bà T được ly hôn với ông L.

3. Về con chung: Bà T và ông L không có con chung.

4. Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228; khoản 1 Điều 235; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T. Bà Lê Thị T được ly hôn với ông Võ Toàn L.

2. Về án phí:

Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bà Lê Thị T phải nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) mà bà T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0004128 ngày 12/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đak Pơ. Bà T đã nộp đủ án phí.

3. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (25/8/2017) nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đ;
- UBND xã ĐTH, huyện DL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trịnh Thị Yến Ngọc